

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 618/QĐ-TLĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2025

CÔNG ĐOÀN XÂY DỰNG VIỆT NAM	
SỐ ĐẾN	Ngày 26/12/2025
1438	Chuyên: Về việc ban hành Quy định chế độ phụ cấp cán bộ công đoàn các cấp

**QUYẾT ĐỊNH**

**ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận và các đoàn thể; Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp của Ban chấp hành Trung ương; Hướng dẫn số 55-HD/BTCTW ngày 31/12/2005 của Ban Tổ chức Trung ương bổ sung thực hiện chuyển xếp lương và phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể;

Theo đề nghị của Ban Quan hệ lao động, Ban Công tác Công đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ phụ cấp cán bộ công đoàn các cấp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026, thay thế Quyết định số 5692/QĐ-TLĐ ngày 08/12/2022 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định chế độ phụ cấp cán bộ công đoàn.

**Điều 3.** Các ban, đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn và các cấp công đoàn chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Thường trực UBTWMTQVN (đề b/c);
- Các đ/c UV BCH TLD;
- Lưu: VT, QHLD.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH  
BAN CHẤP HÀNH  
TRUNG ƯƠNG  
TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Nguyễn Đình Khang



## QUY ĐỊNH

### chế độ phụ cấp cán bộ công đoàn các cấp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 613...../QĐ-TLĐ, ngày 24/12/2025  
của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn các cấp.
2. Phụ cấp kiêm nhiệm đối với chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cấp trên cơ sở, công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù, công đoàn xã, phường, đặc khu nơi được bố trí cán bộ công đoàn chuyên trách theo quy định của Tổng Liên đoàn, nhưng hoạt động kiêm nhiệm.

#### Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chuẩn, định mức trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng của đơn vị theo quy định của Tổng Liên đoàn. Nguồn chi phụ cấp của đơn vị có trong dự toán được duyệt và quyết toán công khai, minh bạch, đủ chứng từ theo quy định.
2. Cán bộ công đoàn chuyên trách tham gia ban chấp hành, uỷ ban kiểm tra công đoàn nhiều cấp chỉ được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm cao nhất. Cán bộ công đoàn không chuyên trách tham gia ban chấp hành, uỷ ban kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, công đoàn cấp trên cơ sở, công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù, công đoàn xã, phường, đặc khu được hưởng phụ cấp trách nhiệm của công đoàn cấp đó. Trong một cấp công đoàn, cán bộ giữ nhiều chức danh chỉ được hưởng một mức phụ cấp trách nhiệm cao nhất.
3. Phụ cấp trách nhiệm và phụ cấp kiêm nhiệm trong quy định này không dùng làm căn cứ để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
4. Người được hưởng phụ cấp theo quy định này khi thôi giữ chức vụ, nhiệm vụ được giao thì thôi hưởng phụ cấp từ tháng tiếp theo.
5. Công đoàn cơ sở được sử dụng tối đa 30% số thu kinh phí công đoàn và đoàn phí công đoàn (phần công đoàn cơ sở được sử dụng) để chi lương, phụ cấp cán bộ công đoàn chuyên trách và phụ cấp cán bộ công đoàn cơ sở. Trường hợp nguồn kinh phí này sử dụng không hết thì bổ sung chi thăm hỏi đoàn viên công đoàn. Đối với công đoàn cơ sở được chuyên môn hỗ trợ kinh phí chi phụ cấp cho cán bộ công đoàn, việc sử dụng do công đoàn cơ sở quyết định.

## Chương II

### CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN

#### Điều 3. Phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn cơ sở

##### 1. Các chức danh chi phụ cấp trách nhiệm

a) Chủ tịch công đoàn cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận (nếu có);

b) Phó chủ tịch công đoàn cơ sở; công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận (nếu có);

c) Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn cơ sở, ủy viên ban chấp hành công đoàn cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận (nếu có);

d) Tổ trưởng, tổ phó công đoàn;

2. Mức phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn cơ sở được xác định theo số lượng đoàn viên công đoàn, kết quả nộp kinh phí và đoàn phí công đoàn của năm trước liền kề, thực hiện theo khung số lượng đoàn viên, như sau:

a. Đối với chức danh chủ tịch công đoàn cơ sở:

STT	Số lượng đoàn viên công đoàn (lấy số liệu cuối năm trước làm cơ sở xác định phụ cấp)	Mức phụ cấp trách nhiệm tối đa đối với chức danh chủ tịch công đoàn cơ sở (đơn vị tính: đồng)				
		Khu vực doanh nghiệp và công đoàn cơ sở ngoài khu vực nhà nước				Khu vực đơn vị sự nghiệp công lập không hưởng 100% lương từ NSNN và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	
1	Dưới 50 đoàn viên	550.000	500.000	450.000	400.000	350.000
2	Từ 50 đến dưới 200 đoàn viên	1.100.000	900.000	800.000	700.000	650.000
3	Từ 200 đến dưới 500 đoàn viên	1.600.000	1.400.000	1.200.000	1.100.000	850.000
4	Từ 500 đến dưới 1.000 đoàn viên	2.150.000	1.800.000	1.600.000	1.400.000	1.050.000
5	Từ 1.000 đến dưới 2.500 đoàn viên	2.700.000	2.200.000	2.000.000	1.800.000	1.400.000

STT	Số lượng đoàn viên công đoàn (lấy số liệu cuối năm trước làm cơ sở xác định phụ cấp)	Mức phụ cấp trách nhiệm tối đa đối với chức danh chủ tịch công đoàn cơ sở (đơn vị tính: đồng)					Khu vực đơn vị sự nghiệp công lập không hưởng 100% lương từ NSNN và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác
		Khu vực doanh nghiệp và công đoàn cơ sở ngoài khu vực nhà nước					
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4		
6	Từ 2.500 đến dưới 5.000 đoàn viên	3.200.000	2.600.000	2.400.000	2.100.000	1.900.000	
7	Từ 5.000 đến dưới 10.000 đoàn viên	3.750.000	3.100.000	2.700.000	2.500.000	2.350.000	
8	Từ 10.000 đến dưới 20.000 đoàn viên	4.250.000	3.600.000	3.100.000	2.800.000	-	
9	Từ 20.000 đến dưới 30.000 đoàn viên	4.500.000	4.000.000	3.500.000	3.200.000	-	
10	Từ 30.000 đoàn viên trở lên	5.350.000	4.500.000	3.900.000	3.500.000	-	

b. Các đối tượng còn lại theo quy định tại Điểm b, c, d Khoản 1 Điều này do ban chấp hành công đoàn cơ sở căn cứ khả năng nguồn kinh phí được chi để quy định cụ thể số tiền chi phụ cấp trong quy chế chi tiêu nội bộ của công đoàn cơ sở, theo khung số lượng đoàn viên, đối tượng được chi phụ cấp, xếp thứ tự ưu tiên gắn với trách nhiệm từ cao đến thấp (chủ tịch, phó chủ tịch...) và đánh giá kết quả hoạt động của các đối tượng hưởng phụ cấp. Thời gian chi phụ cấp có thể thực hiện theo tháng, quý, 6 tháng hoặc năm.

#### **Điều 4. Phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn xã, phường, đặc khu; công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù**

##### **1. Các chức danh chi phụ cấp trách nhiệm**

a) Ủy viên ban chấp hành công đoàn xã, phường, đặc khu; công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù;

b) Ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn xã, phường, đặc khu; công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù;

c) Ủy viên ban nữ công quân chủng công đoàn xã, phường, đặc khu; công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù;

2. Mức phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn xã, phường, đặc khu; công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù được xác định theo số lao động bình quân tham gia bảo hiểm xã hội làm căn cứ trích nộp kinh phí công đoàn trong phạm vi đơn vị quản lý của năm trước liền kề. Cụ thể như sau:

STT	Số lao động bình quân	Mức phụ cấp trách nhiệm		
		Ủy viên BCH	Ủy viên UBKT	Ủy viên ban nữ công quản chúng
1	Dưới 10.000 lao động	500.000	350.000	250.000
2	Từ 10.000 đến dưới 30.000 lao động	600.000	500.000	350.000
3	Từ 30.000 lao động trở lên	700.000	600.000	500.000

**Điều 5. Phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam**

1. Các chức danh chi phụ cấp trách nhiệm:

a) Ủy viên ban chấp hành liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

b) Ủy viên ủy ban kiểm tra liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Mức phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được xác định theo số lao động bình quân tham gia bảo hiểm xã hội làm căn cứ trích nộp kinh phí công đoàn trong phạm vi đơn vị quản lý của năm trước liền kề. Cụ thể như sau:

STT	Số lao động bình quân	Mức phụ cấp trách nhiệm	
		Ủy viên BCH	Ủy viên UBKT
1	Dưới 300.000 lao động	950.000	700.000
3	Từ 300.000 lao động trở lên	1.050.000	850.000

**Điều 6. Phụ cấp trách nhiệm cán bộ cấp Tổng Liên đoàn**

1. Các chức danh chi phụ cấp trách nhiệm.

a) Ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

b) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Mức phụ cấp trách nhiệm

- Ủy viên Ban Chấp hành, mức phụ cấp: 1.200.000 đồng/người/tháng.
- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, mức phụ cấp: 950.000đồng/người/tháng.

**Điều 7. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cấp trên cơ sở**

1. Các chức danh chi phụ cấp kiêm nhiệm

a) Người giữ chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan chuyên môn kiêm chức danh chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn đồng cấp.

b) Cán bộ công đoàn cấp trên kiêm nhiệm chức danh chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn cấp dưới là công đoàn cấp trên cơ sở đặc thù; công đoàn xã, phường, đặc khu.

2. Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm.

a) Chủ tịch công đoàn kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp hằng tháng bằng 10% mức lương và phụ cấp đang đóng bảo hiểm xã hội.

b) Phó chủ tịch công đoàn kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp hằng tháng bằng 7% mức lương và phụ cấp đang đóng bảo hiểm xã hội.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 8. Thực hiện khi có quy định mới của Đảng, Nhà nước**

Quá trình thực hiện, nếu Đảng, Nhà nước ban hành quy định mới liên quan đến chế độ phụ cấp cán bộ công đoàn thì trong khi chờ sửa đổi, bổ sung Quy định này, Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để chỉ đạo thực hiện phù hợp với quy định mới của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của tổ chức công đoàn.

**Điều 9. Trách nhiệm thực hiện**

1. Quy định này thực hiện từ công đoàn cấp cơ sở trở lên.

2. Ban Quan hệ Lao động, Ban Công tác Công đoàn, Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cấp công đoàn thực hiện Quy định này. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn xem xét, giải quyết.

**Nơi nhận:**

- Các ban, đơn vị trực thuộc TLD;
- Các LĐLĐ tỉnh, thành phố, CĐ ngành trung ương; CĐ tập đoàn kinh tế; CĐ tổng công ty trực thuộc TLD;
- Ban Thường trực UBTWMTTQVN (để b/c);
- Các đ/c UV BCH TLD;
- Lưu: VT, QHLD.



**Nguyễn Đình Khang**

Số: 50 /SY-CĐXD

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

**Nơi nhận:**

- Các Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và Công đoàn cơ sở trực thuộc;
- Lưu: VT, QHLD.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Huyền**